

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**  
(Tên cũ là: **CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC GIA LAI**)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 5 tháng 1 năm 2017 đến 30 tháng 4 năm 2017

---

Tháng 8 năm 2017



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 5 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 04 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Giao Thị Yến                      Chủ tịch

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trương Khắc Hoàn          Tổng Giám đốc  
Ông Nguyễn Đình Vinh              Phó Tổng Giám đốc  
Ông Võ Hoàn Thiên                  Giám đốc Tài chính

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trương Khắc Hoàn**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 17 tháng 8 năm 2017





Số: 615/2017/BCKT-IFCHCM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:            Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
                          Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai (trước đây là Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai) (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17 tháng 8 năm 2017, từ trang 4 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 4 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 5 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 4 năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 4 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 5 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 4 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 4 tháng 1 năm 2017 đã được các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán, các kiểm toán viên này đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ một số khoản công nợ phải thu và công nợ phải trả với giá trị lần lượt là 3.742.035.290 đồng và 707.962.369 đồng.

Ngoài ra, như đã trình bày tại thuyết minh số 23, số liệu so sánh được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 5 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 4 năm 2016 chưa được kiểm toán.



**Lương Xuân Trường**

**Giám đốc chi nhánh**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1741-2013-072-1

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2017*

**Nguyễn Phi Phụng**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3249-2015-072-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 04 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/04/2017	05/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>140.566.423.854</b>	<b>140.193.465.108</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>127.626.332.660</b>	<b>126.419.220.029</b>
1. Tiền	111		127.626.332.660	126.419.220.029
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.543.576.104</b>	<b>6.948.971.052</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.207.119.066	3.615.811.947
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	72.459.000	67.179.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.263.998.038	3.265.980.105
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>6.292.892.850</b>	<b>6.757.289.348</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.292.892.850	6.757.289.348
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>103.622.240</b>	<b>67.984.679</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16.a	103.622.240	67.984.679
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>144.899.384.687</b>	<b>147.195.032.821</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>144.171.994.177</b>	<b>146.518.822.042</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	144.162.264.686	146.508.338.843
- Nguyên giá	222		377.099.852.635	376.810.227.599
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(232.937.587.949)	(230.301.888.756)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	9.729.491	10.483.199
- Nguyên giá	228		48.500.000	48.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38.770.509)	(38.016.801)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>59.621.990</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	59.621.990	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>667.768.520</b>	<b>676.210.779</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	667.768.520	676.210.779
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>285.465.808.541</b>	<b>287.388.497.929</b>

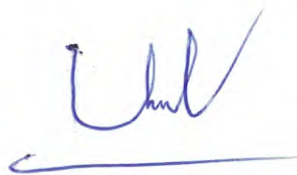
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)  
Tại ngày 30 tháng 04 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/04/2017	05/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>98.551.549.527</b>	<b>99.508.298.420</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>91.206.531.513</b>	<b>92.163.280.406</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.859.234.834	429.427.558
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	124.000.000	1.101.980
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.b	397.989.435	194.050.810
4. Phải trả người lao động	314		128.969.451	318.082.481
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	226.994.670	491.096.101
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	87.088.232.983	89.347.411.336
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	1.369.234.000	1.369.234.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.876.140	12.876.140
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.345.018.014</b>	<b>7.345.018.014</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	7.345.018.014	7.345.018.014
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>186.914.259.014</b>	<b>187.880.199.509</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>186.914.259.014</b>	<b>187.880.199.509</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.880.199.509	7.880.199.509
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(965.940.495)	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(965.940.495)	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>285.465.808.541</b>	<b>287.388.497.929</b>



Trương Thị Thành  
Người lập biểu  
Ngày 17 tháng 8 năm 2017



Vũ Hoàn Thiên  
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàn  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 04 năm 2017

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 05/01/2017	Từ 05/01/2016
			đến 30/04/2017	đến 30/04/2016
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>12.534.568.609</b>	<b>14.268.150.063</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.546.364	537.093
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>12.532.022.245</b>	<b>14.267.612.970</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	22	12.763.549.172	11.206.579.795
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(231.526.927)</b>	<b>3.061.033.175</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	123.834.503	12.380.794
7. Chi phí tài chính	22	24	16.978.561	25.185.567
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.690.000	25.175.414
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	931.111.774	555.335.968
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(1.055.782.759)</b>	<b>2.368.294.463</b>
10. Thu nhập khác	31	26	90.253.388	144.702.431
11. Chi phí khác	32		411.124	4.587.780
<b>11. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>89.842.264</b>	<b>140.114.652</b>
<b>12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(965.940.495)</b>	<b>2.508.409.115</b>
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	501.681.823
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(965.940.495)</b>	<b>2.006.727.292</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>29</b>	<b>(54)</b>	

Trương Thị Thành  
Người lập biểu  
Ngày 17 tháng 8 năm 2017

Vũ Hoàng Thiên  
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàn  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 5 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 4 năm 2017

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 05/01/2017	Từ 05/01/2016
		đến 30/04/2017	đến 30/04/2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(965.940.495)</b>	<b>2.508.409.115</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.636.452.901	2.017.935.676
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(123.834.503)	(12.380.794)
Chi phí lãi vay	06	12.690.000	25.175.414
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.559.367.903</b>	<b>4.539.139.411</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	405.394.948	(861.861.001)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	428.758.937	1.594.241.410
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(844.339.794)	(2.268.825.979)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	8.442.259	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.690.000)	(25.175.414)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(112.409.099)	(206.611.255)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.432.525.154</b>	<b>2.770.907.172</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(349.247.026)	(431.905.591)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	123.834.503	12.380.794
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(225.412.523)</b>	<b>(419.524.797)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>1.207.112.631</b>	<b>2.351.382.375</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>126.419.220.029</b>	<b>2.644.653.401</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>127.626.332.660</b>	<b>4.996.035.776</b>



Trương Thị Thành  
Người lập biểu  
Ngày 17 tháng 8 năm 2017



Vũ Hoàng Thiên  
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàng  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai (gọi tắt là “Công ty”) là công ty được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189614 cấp lần đầu ngày 1 tháng 11 năm 2005 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai và các lần thay đổi.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 2 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 04 năm 2017 là 180 tỷ VND, được chia thành 18 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 04 năm 2017: 117 (tại ngày 05 tháng 01 năm 2017: 123).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh nước sạch; thi công, lắp đặt đường ống cấp nước và cơ sở cấp nước; mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước; sản xuất và kinh doanh nước khoáng, nước đóng chai tinh khiết; bán buôn đồ uống không cồn, bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; giám sát các công trình cấp thoát nước; thiết kế kết cấu công trình dân dụng – công nghiệp; khảo sát thiết kế mạng lưới và công trình đầu mối cấp thoát nước quy mô nhỏ.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là sản xuất và kinh doanh nước sạch; mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 04 năm 2017.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	8 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Thuế** (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/04/2017 VND	05/01/2017 VND
Tiền mặt	6.362.991	14.895.084
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	127.619.969.669	126.404.324.945
<b>Cộng</b>	<b>127.626.332.660</b>	<b>126.419.220.029</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/04/2017 VND	05/01/2017 VND
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt tại Pleiku	3.146.868.782	2.471.152.556
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt tại Ayunpa	1.051.569.119	800.414.721
Các đối tượng khác	8.681.165	344.244.670
<b>Cộng</b>	<b>4.207.119.066</b>	<b>3.615.811.947</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/04/2017 VND	05/01/2017 VND
Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán	66.000.000	66.000.000
Công ty TNHH TM & DV Mã Việt	1.179.000	1.179.000
Nhà máy hóa chất Biên Hòa	5.280.000	-
<b>Cộng</b>	<b>72.459.000</b>	<b>67.179.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/04/2017	05/01/2017
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	115.800.806	38.000.806
Phải thu Ban Quản lý dự án ADB	35.223.142	35.223.142
Phải thu về cổ phần hóa	2.093.414.459	3.168.934.956
Các khoản phải thu khác	19.559.631	23.821.201
<b>Cộng</b>	<b>2.263.998.038</b>	<b>3.265.980.105</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/04/2017		05/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.254.288.534	-	6.716.934.866	-
Công cụ, dụng cụ	38.604.316	-	40.354.482	-
<b>Cộng</b>	<b>6.292.892.850</b>	<b>-</b>	<b>6.757.289.348</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B 09-DN

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

NGUYÊN GIÁ Tại ngày 05/01/2017 Mua trong năm Tại ngày 30/04/2017	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
	95.421.122.521	91.029.705.826	190.089.450.343	269.948.909	376.810.227.599
	-	85.500.000	204.125.036	-	289.625.036
	<b>95.421.122.521</b>	<b>91.115.205.826</b>	<b>190.293.575.379</b>	<b>269.948.909</b>	<b>377.099.852.635</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> Tại ngày 05/01/2017 Khấu hao trong năm Tại ngày 30/04/2017	52.213.919.852 836.421.741 <b>53.050.341.593</b>	63.428.208.747 422.410.403 <b>63.850.619.150</b>	114.453.912.267 1.368.667.476 <b>115.822.579.743</b>	205.847.890 8.199.573 <b>214.047.463</b>	230.301.888.756 2.635.699.193 <b>232.937.587.949</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b> Tại ngày 05/01/2017 Tại ngày 30/04/2017	<b>43.207.202.669</b> <b>42.370.780.928</b>	<b>27.601.497.079</b> <b>27.264.586.676</b>	<b>75.635.538.076</b> <b>74.470.995.636</b>	<b>64.101.019</b> <b>55.901.446</b>	<b>146.508.338.843</b> <b>144.162.264.686</b>

Công ty đã sử dụng bể chứa nước 600m<sup>3</sup> tại thị xã AyunPa có NguyênPa giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.998.680.000 VND và 1.521.217.546 VND để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm vi tính VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 05/01/2017	48.500.000
<b>Tại ngày 30/04/2017</b>	<b>48.500.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 05/01/2017	38.016.801
Khấu hao trong năm	753.708
<b>Tại ngày 30/04/2017</b>	<b>38.770.509</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 05/01/2017	10.483.199
<b>Tại ngày 30/04/2017</b>	<b>9.729.491</b>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/04/2017 VND	05/01/2017 VND
Thi công van giám áp đường Phan Đình Phùng, Phạm Văn Đồng	36.305.384	-
Tuyến ống D114 Tân Tiến	23.042.606	-
Lắp đặt hệ thống nước D135 Chu Mạnh Trinh - Hùng Vương	274.000	-
<b>Cộng</b>	<b>59.621.990</b>	-

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/04/2017 VND	05/01/2017 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	363.638.285	392.738.970
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	99.393.455	217.764.631
Chi phí trả trước dài hạn khác	204.736.780	65.707.178
<b>Cộng</b>	<b>667.768.520</b>	<b>676.210.779</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/04/2017		05/01/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	1.135.625.186	1.135.625.186	-	-
Tổng công ty Đầu tư nước & Môi trường Việt Nam	412.621.528	412.621.528	412.621.558	412.621.558
Công ty Cổ phần phân phối Tiền phong Miền Trung	197.148.865	197.148.865	-	-
Đối tượng khác	113.839.255	113.839.255	16.806.000	16.806.000
<b>Cộng</b>	<b>1.859.234.834</b>	<b>1.859.234.834</b>	<b>429.427.558</b>	<b>429.427.558</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/04/2017 VND	05/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Sơn Hải	124.000.000	-
Các đối tượng khác	-	1.101.980
<b>Cộng</b>	<b>124.000.000</b>	<b>1.101.980</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	05/01/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	30/04/2017 VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	67.984.679	67.984.679	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	3.622.240	3.622.240
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.260.521.182	1.360.521.182	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>67.984.679</b>	<b>1.328.505.861</b>	<b>1.364.143.422</b>	<b>103.622.240</b>
<b>b. Phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	44.416.584	-	44.416.584
Thuế thu nhập doanh nghiệp	112.409.099	-	112.409.099	-
Thuế thu nhập cá nhân	22.232.616	2.400.000	22.232.616	2.400.000
Thuế tài nguyên	20.239.238	51.424.180	56.390.724	15.272.694
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phải nộp khác	39.169.857	1.134.785.743	838.055.443	335.900.157
<b>Cộng</b>	<b>194.050.810</b>	<b>1.237.026.507</b>	<b>1.033.087.882</b>	<b>397.989.435</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/04/2017	05/01/2017
	VND	VND
Phí dịch vụ kiểm toán	120.000.000	90.000.000
Phí nước thô	106.994.670	401.096.101
<b>Cộng</b>	<b>226.994.670</b>	<b>491.096.101</b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/04/2017	05/01/2017
	VND	VND
Phải trả cho SCIC về cổ phần hóa	86.716.550.384	89.068.876.525
Phải nộp ngân sách nhà nước (Dự án ADB)	185.413.863	185.413.863
Kinh phí công đoàn	50.328.448	49.618.808
Bảo hiểm xã hội	73.849.844	-
Bảo hiểm y tế	13.444.958	-
Bảo hiểm thất nghiệp	5.913.701	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	42.731.785	43.502.140
<b>Cộng</b>	<b>87.088.232.983</b>	<b>89.347.411.336</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B 09-DN

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	30/04/2017		Phát sinh trong năm		05/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)	8.244.252.014	8.244.252.014	-	-	8.244.252.014	8.244.252.014
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai (i)	470.000.000	470.000.000	-	-	470.000.000	470.000.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(1.369.234.000)	(1.369.234.000)	-	-	(1.369.234.000)	(1.369.234.000)
<b>Cộng</b>	<b>7.345.018.014</b>	<b>7.345.018.014</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.345.018.014</b>	<b>7.345.018.014</b>

(i) Đây là số dư nợ vay phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai, hạn mức cho vay 1.230.000.000 VND, mục đích vay đầu tư bê chứa nước 600m<sup>3</sup> tại thị xã AyunPa, thời hạn vay 56 tháng, lãi suất 12%/năm. Công ty đã sử dụng tài sản hình thành trong tương lai là bê chứa nước 600m<sup>3</sup> tại thị xã AyunPa để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay này.

(ii) Số dư nợ vay theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty Cấp thoát nước Gia Lai về việc sử dụng Khoản vay số 1361 VIE (SF) của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để thực hiện Dự án Nâng cấp và cải tạo Hệ thống cấp nước và vệ sinh các thành phố, thị xã ký ngày 15 tháng 9 năm 1995 và các phụ lục bổ sung, tổng giá trị khoản vay 164.488.497.014 VND, lãi suất cho vay 0%/năm.

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>82.141.786.168</b>	-	<b>67.280.720.946</b>	<b>2.538.621.924</b>	<b>151.961.129.038</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.370.386.349	2.370.386.349
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.970.925.290)	(2.970.925.290)
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>82.141.786.168</b>	-	<b>67.280.720.946</b>	<b>1.938.082.983</b>	<b>151.360.590.097</b>
Tăng vốn khi cổ phần hóa	97.858.213.832	7.880.199.509	(67.280.720.946)	(1.828.020.620)	36.629.671.775
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(1.076.002.858)	(1.076.002.858)
<b>Tại ngày 30/04/2017</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>7.880.199.509</b>	<b>-</b>	<b>(965.940.495)</b>	<b>186.914.259.014</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Tên cổ đông	30/04/2017		05/01/2017	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	51,00%	91.800.000.000	51,00%	91.800.000.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước	46,78%	84.209.000.000	46,78%	84.209.000.000
Các cổ đông khác	2,22%	3.991.000.000	2,22%	3.991.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>180.000.000.000</b>

**Cổ phần**

	30/04/2017	05/01/2017
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đủ	18.000.000	18.000.000
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	18.000.000	18.000.000
Mệnh giá cổ phần: 10.000VND/cổ phần		

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 05/01/2017 đến 30/04/2017	Từ 05/01/2016 đến 30/04/2016
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu cung cấp nước sạch	11.167.619.668	12.684.044.771
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.366.948.941	1.584.105.292
<b>Cộng</b>	<b>12.534.568.609</b>	<b>14.268.150.063</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán trả lại	(2.546.364)	(537.093)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>12.532.022.245</b>	<b>14.267.612.970</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 05/01/2017 đến 30/04/2017	Từ 05/01/2016 đến 30/04/2016
	VND	VND
Giá vốn nước sạch	12.763.549.172	11.206.579.795



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 05/01/2017 đến 30/04/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 30/04/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	123.834.503	12.380.794

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 05/01/2017 đến 30/04/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 30/04/2016 VND
Chi phí lãi vay	12.690.000	25.175.414
Chi phí tài chính khác	4.288.561	10.153
<b>Cộng</b>	<b>16.978.561</b>	<b>25.185.567</b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 05/01/2017 đến 30/04/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 30/04/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	566.885.029	244.927.920
Chi phí khấu hao	211.075.401	46.024.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.344.162	213.654.248
Chi phí bằng tiền khác	16.807.182	50.729.653
<b>Cộng</b>	<b>931.111.774</b>	<b>555.335.968</b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 05/01/2017 đến 30/04/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 30/04/2016 VND
Doanh thu cho thuê nhà xưởng	21.818.182	39.556.724
Thu nhập khác	68.435.206	105.145.707
<b>Cộng</b>	<b>90.253.388</b>	<b>144.702.431</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 05/01/2017 đến 30/04/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 30/04/2016 VND
Lỗ kế toán trước thuế	(965.940.495)	2.508.409.115
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(965.940.495)</b>	<b>2.508.409.115</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>501.681.823</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 05/01/2017 đến 30/04/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 30/04/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.839.377.156	3.472.122.566
Chi phí nhân công	2.909.334.422	3.875.176.814
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.668.358.576	1.929.976.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.027.849.212	734.161.088
Chi phí bằng tiền khác	180.886.579	46.861.884
<b>Cộng</b>	<b>13.625.805.945</b>	<b>10.058.298.892</b>

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 05/01/2017 đến 30/04/2017 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	(965.940.495)
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>(965.940.495)</b>
Cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	18.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(54)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/04/2017	05/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	8.714.252.014	8.714.252.014
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(127.626.332.660)	(126.419.220.029)
<b>Nợ thuần</b>	<b>(118.912.080.646)</b>	<b>(117.704.968.015)</b>
Vốn chủ sở hữu	186.914.259.014	187.880.199.509
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	30/04/2017	05/01/2017
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.626.332.660	126.419.220.029
Phải thu khách hàng	4.207.119.066	3.577.811.141
Phải thu khác	2.148.197.232	3.265.980.105
<b>Cộng</b>	<b>133.981.648.958</b>	<b>133.263.011.275</b>

**Nợ phải trả tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính	8.714.252.014	8.714.252.014
Phải trả người bán	1.859.234.834	429.427.558
Các khoản phải trả khác	87.088.232.983	89.347.411.336
Chi phí phải trả	226.994.670	491.096.101
<b>Cộng</b>	<b>97.888.714.501</b>	<b>98.982.187.009</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng nhỏ lẻ và sử dụng sản phẩm cũng như dịch vụ của Công ty thường xuyên.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 30/04/2017</b>			
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.626.332.660	-	127.626.332.660
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.355.316.298	-	6.355.316.298
<b>Cộng</b>	<b>133.981.648.958</b>	<b>-</b>	<b>133.981.648.958</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.369.234.000	7.345.018.014	8.714.252.014
Phải trả người bán và phải trả khác	88.947.467.817	-	88.947.467.817
Chi phí phải trả	226.994.670	-	226.994.670
<b>Cộng</b>	<b>90.543.696.487</b>	<b>7.345.018.014</b>	<b>97.888.714.501</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>43.437.952.471</b>	<b>(7.345.018.014)</b>	<b>36.092.934.457</b>
<b>Tại ngày 05/01/2017</b>			
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.419.220.029	-	126.419.220.029
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.843.791.246	-	6.843.791.246
<b>Cộng</b>	<b>133.263.011.275</b>	<b>-</b>	<b>133.263.011.275</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.369.234.000	7.345.018.014	8.714.252.014
Phải trả người bán và phải trả khác	89.776.838.894	-	89.776.838.894
Chi phí phải trả	491.096.101	-	491.096.101
<b>Cộng</b>	<b>91.637.168.995</b>	<b>7.345.018.014</b>	<b>98.982.187.009</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>41.625.842.280</b>	<b>(7.345.018.014)</b>	<b>34.280.824.266</b>

**31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

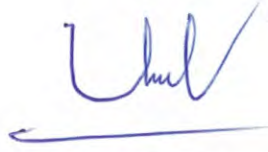
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**32. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 5 tháng 1 năm 2017 đến 30 tháng 4 năm 2017, số liệu so sánh được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 5 tháng 1 năm 2016 đến 30 tháng 4 năm 2016 chưa được kiểm toán.



**Trương Thị Thành**  
Người lập biểu  
Ngày 17 tháng 8 năm 2017



**Vũ Hoàng Thiên**  
Kế toán trưởng



**Trương Khắc Hoàng**  
Tổng Giám đốc